TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **143**/2021/DSPT
Ngày: 15/4/2021

V/v tranh chấp: "HĐ thuê QSDĐ và Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

- *Các Thẩm phán*:

1. Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

2. Bà **Lâm Ngọc Tuyền.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Liêm,** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Thị Ngọc Thức**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **15** tháng **4** năm **2021**, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLPT-DS ngày 23/02/2021 về tranh chấp: "Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và Đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 258/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị K**, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã LV, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Bà **Tô Thị Mươi T**, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã LV, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh **Huỳnh Lê C**, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã LV, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh **Huỳnh Lê T**, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã LV, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

3. Chị **Huỳnh Thị Lê H**, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Bình Nhựt, xã Thành Công, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

4. Chị **Huỳnh Thị Ngọc L**, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

5. Chị **Huỳnh Thị Ngọc Q**, sinh năm 1993 (vắng mặt);

6. Anh **Huỳnh Lê P**, sinh năm 1997 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã LV, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

7. Ông **Nguyễn Hoàng B**, sinh năm 1964 (vắng mặt);

8. Anh **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã LV, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo*: Bị đơn Tô Thị Mươi T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày:*

Trước đây bà T có mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà để vay Ngân hàng với số tiền 20.000.000 đồng để chăn nuôi heo. Đến năm 2011, bà T đã mượn của chồng bà là ông Huỳnh Tuấn K (chết năm 2018) 5,5 chỉ vàng 24K để trả tiền Ngân hàng, giữa gia đình bà T và ông K có làm hợp đồng thỏa thuận việc mượn vàng và gia đình bà T thế chấp 1.500m^2 đất ruộng cho ông K, hai bên thỏa thuận trong thời hạn 03 năm bà T sẽ trả vàng và nhận lại ruộng, hai bên có làm giấy tay thỏa thuận thế chấp ruộng.

Đến năm 2014, do bà T mắc nợ người khác và bị Cơ quan thi hành án kê biên cưỡng chế đất ruộng mà bà T cầm cố cho ông K nên từ năm 2014 gia đình bà đã không còn canh tác phần đất ruộng mà bà T đã cầm cố.

Do bà T mắc nợ nên bỏ nhà đi, đến khi bà T về thì ông K có đến gặp bà T để đòi vàng thì bà T có hứa từ từ trả (hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ và không có người chứng kiến).

Đến năm 2018 thì ông K chết, sau khi ông K chết thì bà có đến gặp bà T để đòi 5,5 chỉ vàng 24K thì bà T cho rằng ông K đã canh tác diện tích hơn 3.000m^2 đất ruộng của bà T từ đầu năm 2011 đến cuối năm 2014 là đã cấn trừ xong số vàng bà T nợ.

Sau đó, bà đã khiếu nại tại Ủy ban nhân dân xã LV thì bà T có trình bày khi còn sống ông K và bà T có hùn vốn để trồng khoai nhưng ông K không công khai rõ ràng. Trên thực tế, ông K canh tác tổng diện tích 3.000m^2 đất của bà Mươi T từ năm 2011 đến năm 2014 thì không còn canh tác nữa. Trong tổng diện tích 3.000m^2 đất ông K canh tác có 1.500m^2 đất ông K nhận cầm cố từ gia đình bà T, còn diện tích 1.500m^2 đất còn lại là do bà T đã hùn vốn để bà T và ông K trồng khoai môn (hai bên không có giấy tờ thỏa thuận hùn vốn trồng khoai môn), hai bên thỏa thuận mỗi bên hùn diện tích 1.500m^2 đất (trong đó ông K hùn 1.500m^2 đất nhận cầm cố của bà T, phía bà T góp 1.500m^2 đất còn lại) chi phí giống cây trồng, phân thuốc do ông K bỏ ra, hai bên thỏa thuận trồng trong 01 năm, nhưng sau 01 năm thu hoạch thì trồng môn bị lỗ chỉ bán được 6.000.000 đồng, lúc thu hoạch có con của bà T chứng kiến. Sau khi thu hoạch môn thì ông K đã trả cho cửa hàng của anh Võ Văn L số tiền 6.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 8.563.000 đồng nên ông K thỏa

thuận canh tác tiếp diện tích 1.500m^2 đất mà bà T đã góp trong 02 năm để cấn trừ vào chi phí ½ số tiền phân thuốc còn nợ mà bà T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lùng do việc góp vốn trồng môn bị lỗ và ông K sẽ có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền phân thuốc còn nợ ông Lùng.

Nay bà K khởi kiện yêu cầu bà T trả cho gia đình bà 5,5 chỉ vàng 24K mà bà T đã mượn của ông K.

Đối với yêu cầu phản tố của bà T yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông K phải có nghĩa vụ trả tiền đối với việc ông K đã canh tác diện tích 3.000m^2 đất ruộng của bà T trong 04 năm tức từ năm 2011 đến năm 2014 thì bà không đồng ý.

** Theo bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn bà Tô Thị Mươi T trình bày:*

Bà thừa nhận trước đây ông K có cho bà vay tiền và ông K lấy thức ăn tại cửa hàng của bà để cấn trừ tiền lãi. Đến năm 2011, ông K yêu cầu quy số tiền 20.000.000 đồng thành 5,5 chỉ vàng 24K, hai bên đã làm hợp đồng cầm cố diện tích 1.500m^2 đất ruộng trong thời hạn 03 năm sẽ trả vàng và trả ruộng. Sau đó, bà đã thỏa thuận cho cháu của bà là chị Tô Yến Nc thuê diện tích hơn 3.000m^2 đất ruộng trong thời hạn 04 năm với số tiền 30.000.000 đồng và bà có đến gặp ông K để thỏa thuận lấy lại ruộng nhưng ông K không đồng ý và ông K thỏa thuận sẽ canh tác toàn bộ diện tích đất ruộng của bà trong thời hạn 03 năm để cấn trừ số vàng mà bà đã mượn.

Trên thực tế ông K đã canh tác đất của bà trong thời gian 04 năm tức từ năm 2011 cho đến tháng 02/2015 ông K mới trả đất, nhưng không trả trực tiếp cho bà mà trả cho bà Tống Thị Mười H.

Giữa bà và ông K không có thỏa thuận góp vốn để trồng khoai môn. Do đó, nay bà đồng ý trả 5,5 chỉ vàng 24K theo hợp đồng cầm cố đất mà bà đã ký kết với ông K năm 2011. Đồng thời bà có yêu cầu phản tố yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông K phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà việc ông K canh tác, hưởng huê lợi trên tổng diện tích đất của bà trong thời gian 04 năm, tính theo giá thuê đất là 2.500.000đồng/01công/01năm với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Huỳnh Lê C, chị Huỳnh Thị Ngọc L, chị Huỳnh Thị Lê H, chị Huỳnh Thị Ngọc Q, anh Huỳnh Lê P, anh Huỳnh Lê T thống nhất trình bày: Các anh chị là con của ông Huỳnh Tuấn K (chết năm 2018), trước đây ông Huỳnh Tuấn K có cho bà Tô Thị Mươi T mượn 5,5 chỉ vàng 24K, sau khi ông K chết thì bà Lê Thị K (vợ của ông K) khởi kiện đòi bà Mươi T trả 5,5 chỉ vàng 24K, các anh chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà K và không có ý kiến khác.

- Ông Nguyễn Hoàng B trình bày: Năm 2011, ông có thế chấp cho ông K 1,5 công ruộng. Đồng thời ông K có kêu ông hùn trồng khoai môn nhưng ông không đồng ý vì ông không có vốn và không biết kỹ thuật trồng khoai môn. Gia đình của ông đã giao cho ông K canh tác toàn bộ diện tích hơn 3.000m^2 đất ruộng để cấn trừ 5,5 chỉ vàng 24K mà bà Mươi T đã mượn của ông K.

- Anh Nguyễn Hoàng A trình bày: Trước đây gia đình anh có vay của ông K số tiền 20.000.000 đồng. Đến năm 2011, ông K quy 20.000.000 đồng thành 5,5 chỉ

vàng 24K nếu không có tiền trả thì thế chấp cho ông K 1.500m^2 đất ruộng. Sau đó, gia đình anh có thỏa thuận cho chị Yến Ngọc thuê 3.000m^2 đất ruộng (trong đó có 1.500m^2 thế chấp cho ông K) với giá 30.000.000 đồng, nhưng ông K không đồng ý và ông K yêu cầu được canh tác toàn bộ diện tích nêu trên trong thời hạn 03 năm để cấn trừ nợ. Còn việc trồng khoai môn thì gia đình của anh không có tham gia.

** Người làm chứng:*

- *Anh Hồ Thanh B trình bày:* Anh là hàng xóm của ông K và bà Mươi T, khi ông K lên líp trồng môn thì ông K có thuê anh chăm sóc môn, khi phụ làm anh thấy chồng bà Mươi T và con trai bà Mươi T có làm phụ ông K nên anh có hỏi và ông K nói hùn trồng môn chung, anh chỉ phụ làm những lúc chăm sóc, làm cỏ và bồi líp. Khi thu hoạch môn thì không có vợ chồng bà Mươi T, anh chỉ thấy có con của bà Mươi T ra phụ. Còn việc giữa ông K và bà Mươi T thỏa thuận trồng môn hùn vốn thế nào, thu hoạch lời lỗ thế nào thì anh hoàn toàn không biết.

- *Bà Trần Thị V trình bày:*Bà Mươi T là em chồng của bà, còn ông K là bà con bên chồng của bà, đồng thời ông K là bạn học lúc nhỏ của bà. Bà có 01 phần ruộng cách phần đất ruộng của bà Mươi T 01 dãy, nhưng để đi ra ruộng canh tác thì phải đi qua nhà bà. Do ông K thường xuyên đi canh tác ruộng và đi ngang qua nhà bà nên bà mới biết ông K canh tác ruộng của bà Mươi T, đồng thời khi bà ra đồng thăm ruộng thì bà cũng thấy ông K canh tác ruộng của bà Mươi T. Bà chỉ nghe ông K nói canh tác ruộng của bà Mươi T để trừ nợ chứ bà không biết nợ bao nhiêu. Bà không nhớ ông K canh tác ruộng của bà Mươi T vào thời gian nào nhưng thời gian ông K không còn canh tác là cuối vụ 3 năm 2014 tức là tháng 02/2015 vì khi thu hoạch xong lúa bà có gặp và hỏi thăm ông K việc trồng lúa có trúng mùa không và ông K có nói sang năm không trồng nữa vì đã trừ hết nợ rồi.

- *Chị Huỳnh Thị Tuyết Mai trình bày:* Chị là hàng xóm của bà Mươi T và ông K. Do ruộng của chị giáp ranh với ruộng của bà Mươi T nên chị biết ông K canh tác ruộng của bà Mươi T, đồng thời chị có làm công lặt râu khoai môn cho ông K, khi trò chuyện với ông K thì ông K của nói làm ruộng của bà Mươi T để trừ nợ, chị không biết số tiền bà Mươi T nợ ông K. Chị nhớ ông K làm ruộng của bà Mươi T từ năm 2011 đến tháng 02/2015.

- *Ông Võ Văn L trình bày:* Ông không có bà con họ hàng với ông K, còn bà Mươi T thì có bà con xa. Vào năm 2011, ông có bán phân thuốc cho ông K, khi đó ông K yêu cầu ông lập 02 sổ riêng trong đó 01 sổ để theo dõi tiền mua phân thuốc để ông K trồng lúa, 01 sổ để theo dõi phân thuốc hùn trồng khoai môn với bà Mươi T. Việc hùn trồng môn với bà Mươi T là do cá nhân ông K nói với ông, quá trình mua phân thuốc chỉ có một mình ông K mua và thanh toán. Ông hoàn toàn không biết việc thỏa thuận trồng môn giữa ông K và bà Mươi T. Quá trình ông K trồng môn trên đất của bà Mươi T thì ông không có gặp mặt bà Mươi T vì bà Mươi T rời địa phương đi làm ăn xa.

Trước khi ông K chết thì ông K còn nợ lại ông số tiền 8.563.000 đồng tiền phân thuốc trong sổ theo dõi trồng môn.

- *Bà Tống Thị Mười H trình bày:* Bà Mươi T là em chồng của bà, còn ông K là hàng xóm. Bà có biết ông K canh tác diện tích 3.000m^2 đất ruộng của bà Mươi

T, bà không nhớ ông K bắt đầu làm ruộng của bà Mươi T thời gian nào nhưng bà nhớ thời gian ông K trả đất là tháng 02/2015 âm lịch vì thời điểm đó bà có canh tác ruộng của bà giáp ranh với ruộng của bà Mươi T nên bà có gặp và hỏi thăm ông K về việc ông canh tác ruộng của bà Mươi T trong thời gian dài, lúc đó ông K có nói ông làm đã mãn rồi, bà có trồng thì mua giống mà sạ.

- *Anh Tô Tấn L trình bày:* Anh là cháu ruột của bà Mươi T, còn ông K thì không có quan hệ bà con. Anh hoàn toàn không biết việc ông K canh tác ruộng của bà Mươi T. Anh đã canh tác ruộng của bà Mươi T từ tháng 3/2015 cho đến tháng 02/2017, người cho anh thuê ruộng là bà Nguyễn Thị Kiều N và anh thuê trong 02 năm với giá 15.000.000 đồng.

- *Ông Nguyễn Hoàng K trình bày:* Ông không có quan hệ bà con với ông K hay bà Mươi T, do phần đất ruộng của ông giáp với ruộng của bà Mươi T nên ông có thấy ông K canh tác ruộng của bà Mươi T nhưng bắt đầu canh tác thời gian nào thì ông không nhớ. Trong lúc ông K canh tác đất của bà Mươi T thì ông có gặp ông K, lúc đó ông có hỏi thăm thì ông K nói canh tác ruộng của bà Mươi T để trừ nợ, còn nợ bao nhiêu và làm bao lâu để trừ nợ thì ông không biết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 258/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 166, Điều 703, Điều 707 Bộ luật dân sự 2005 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị K và bà Tô Thị Mươi T thống nhất số tiền bà Mươi T còn nợ ông K (chết năm 2018) là 10.400.000 đồng.

Bà Mươi T có nghĩa vụ trả cho bà K (một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K) số tiền 10.400.000 đồng.

- Về thời gian trả: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, buộc bà Mươi T trả số tiền 10.400.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Mươi T chậm trả số tiền nêu trên thì bà Mươi T còn phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 13 tháng 11 năm 2020, bị đơn Tô Thị Mươi T kháng cáo yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 18.750.000 đồng.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng, trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định pháp luật và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, bà Tô Thị Mươi T rút yêu cầu kháng cáo; bà Lê Thị K đồng ý cho bà Tô Thị Mươi T trả số tiền 10.400.000 đồng làm 02 lần. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của bà Tô Thị Mươi T; ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị K và bà Tô Thị Mươi T về việc trả dần số tiền 10.400.000 đồng. Sửa bản án sơ thẩm số 258/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Tô Thị Mươi T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Lê C, chị Huỳnh Thị Ngọc L, chị Huỳnh Thị Lê H, chị Huỳnh Thị Ngọc Q, anh Huỳnh Lê T, ông Nguyễn Hoàng B và anh Nguyễn Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tô Thị Mươi T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Đồng thời, bà Lê Thị K và bà Tô Thị Mươi T thống nhất thỏa thuận bà Lê Thị K cho bà Tô Thị Mươi T trả số tiền 10.400.000 đồng làm 02 lần, cụ thể ngày 01/7/2021 trả số tiền 5.200.000 đồng và ngày 01/12/2021 trả số tiền 5.200.000 đồng.

Xét, việc thỏa thuận của các đương sự và việc rút toàn bộ yêu cầu kháng của Tô Thị Mươi T tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà Tô Thị Mươi T có đơn xin miễn án phí với lý do bà thuộc diện hộ nghèo có giấy chứng nhận hộ nghèo, có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTNQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên miễn toàn bộ án phí cho bà Mươi T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 166, Điều 703, Điều 707 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà Tô Thị Mươi T.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị K và bà Tô Thị Mươi T về việc thỏa thuận phương thức trả nợ.

Sửa bản án sơ thẩm số 258/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị K và bà Tô Thị Mươi T thống nhất số tiền bà Mươi T còn nợ ông K (chết năm 2018) là 10.400.000 đồng.

- Bà Tô Thị Mươi T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị K (một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K) số tiền 10.400.000 đồng. Thực hiện 02 lần, cụ thể: ngày 01/7/2021 trả số tiền 5.200.000 đồng và ngày 01/12/2021 trả số tiền 5.200.000 đồng.

Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Mươi T chậm trả số tiền nêu trên thì bà Mươi T còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Tô Thị Mươi T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ, án văn.

DSPT-2021-Tâm

Lê Thị Hồng Tâm